

Số: 216 /TTr - CTN

Trà Vinh, ngày 25 tháng 4 năm 2023

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế,  
trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị  
Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

Căn cứ Công văn số 181/CTN-NĐDV ngày 10/4/2023 của người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh về việc xin ý kiến UBND tỉnh về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Ban Tổng giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền
	<b>Lợi nhuận được phân phối</b>	<b>100%</b>	<b>4.794.607.980</b>
1	Quỹ thưởng người quản lý	2%	95.892.000
2	Quỹ đầu tư phát triển SXKD	30,00%	1.438.382.400
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	37,55%	1.800.547.580
4	Chia cổ tức 1 %/vốn điều lệ	30,45%	1.459.786.000

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phép trích lập 37,55%, Ban Tổng giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị phân bổ như sau:

- Khen thưởng cho người lao động 80.84%: 1.455.547.3580 đồng
- Khen thưởng cho các đơn vị và cá nhân ngoài công ty có đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 19,16% : 345.000.000 đồng

Trong năm 2022 là một năm khó khăn, việc mua nước mặt thành phẩm làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận, tình hình tài chính công ty gặp nhiều khó khăn, Công ty đã cắt giảm các chi phí, trong đó có giảm tiền lương sản phẩm của người quản lý và người lao động. Do đó, để bù đắp phần nào khó khăn cho người lao động, Ban Tổng giám đốc đề xuất không trích lập quỹ phúc lợi mà dành hết cho quỹ khen thưởng năm 2022.




Nhưng với sự nỗ lực chung của toàn Công ty nên mức độ tăng trưởng đạt được cao hơn so với cùng kỳ; cho nên Ban Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2022 như đã nêu trên.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Quý

**TỜ TRÌNH**  
**Xin ý kiến về việc cho thay đổi kế toán tổng hợp**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ biên bản họp số 43/BB-CTN ngày 19/5/2023 của Ban Tổng Giám đốc về việc thống nhất cho hoán đổi vị trí công việc của nhân viên phòng Kế toán Tài – Vụ;

Nay Ban Tổng Giám đốc thống nhất trình Hội đồng Quản trị Công ty xem xét cho thay đổi kế toán tổng hợp, cụ thể là ông Lê Sơn Tùng sẽ đảm nhận chức danh kế toán tổng hợp của bà Nguyễn Thanh Ngân đang đảm nhận, bà Nguyễn Thanh Ngân sẽ đảm nhận nhiệm vụ kế toán phân hành của ông Lê Sơn Tùng, hiện tại cho 02 người tiếp cận công việc của nhau, đến khi hoàn thành kiểm toán soát xét 06 tháng đầu năm 2023 nếu ông Lê Sơn Tùng đảm nhận tốt được công việc kế toán tổng hợp sẽ ký quyết định giao nhiệm vụ chính thức.

Tổng Giám đốc kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các phó TGD;
- Trưởng BKS (g/s);
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Quý**



Số 25/Tr-Tr-CTN

Trà Vinh, ngày 17 tháng 05 năm 2023

## TỜ TRÌNH

Về việc xin ý kiến Hội đồng quản trị  
Điều chỉnh một số nội dung của quy chế chi tiêu nội bộ

Kính gửi: Hội đồng quản trị  
Công ty CP Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ vào Quyết định số 72/QĐ-HĐQT ngày 26/10/2022 của Hội đồng quản trị, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh;

Căn cứ Tờ trình số 21/ Tr-Tr-KTTV ngày 16 /5/2023 của Phòng Kế toán – Tài vụ về việc xin ý kiến Tổng Giám đốc điều chỉnh một số nội dung của Quy chế Chi tiêu nội bộ.

Ban Tổng giám đốc kính trình Hội đồng quản trị điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của quy chế chi tiêu nội bộ như sau:

**1/ Bãi bỏ khoản 13 điều 4 “ chi mua vật dụng cho bộ phận ghi, thu TP Trà Vinh và các chi nhánh” của quy chế chi tiêu nội bộ và điều chỉnh, sửa đổi như sau:**

“13. Chi vật dụng cho một số bộ phận tại công ty

+ Mức chi mua áo mưa không quá 150.000/người/năm áp dụng cho 03 khu vực của chi nhánh cấp nước TPTV và chi nhánh cấp nước huyện, thị.

+ Khoản tiền trang bị bao da bảo quản máy in nhiệt: 100.000đồng/máy/năm”

**2/ Sửa đổi, bổ sung, một số nội dung tại khoản 14 điều 4 “chi cho thông tin truyền thông” của quy chế chi tiêu nội bộ như sau:**

- Tại mục 9 khoản 14 “Nhân viên sửa chữa điện, Tài xế, Tổ phó, Trạm phó và tương đương, một nhân viên cắt nước, nhân viên khảo sát dự toán ống nhánh TPTV mức khoán 100.000đồng” **sửa đổi thành** “Nhân viên sửa chữa điện, Tài xế, Tổ phó, Trạm phó và tương đương mức khoán 100.000đ/chức danh/tháng”

- Tại mục 10 khoản 14 “Nhân viên ghi, thu TPTV mức khoán 100.000đồng” **sửa đổi thành** “ Mức khoán chi cước điện thoại di động cho các khu vực chi nhánh Cấp nước TPTV là 500.000đồng/ tháng/khu vực”.

- Tại mục 11 khoản 14 “Nhân viên các chi nhánh huyện mức khoán 1.000 KH/nhân viên (≥1.500KH = 2 lần mức khoán) mức khoán 100.000đồng” **sửa đổi thành** “khoản điện thoại cho công tác ghi chỉ số đồng hồ tại chi nhánh cấp nước huyện, thị mức khoán được tính 50đ/KH/ (hóa đơn)/tháng”.





- Tại mục 12 Khoản 14 “Điện thoại trực xử lý ống bê (CN TPTV) mức khoán 200.000đồng” **sửa đổi thành** “ Điện thoại trực xử lý ống bê cho 03 khu vực của Chi nhánh cấp nước TPTV là 100.000đồng/tháng/ khu vực”.

**3/ Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại mục 6 khoản 15 điều 4 “khoán nhiên liệu (xăng) cho các phòng ban, chi nhánh để phục vụ công tác đi lại làm việc trong tháng” của quy chế chi tiêu nội bộ:**

- Sửa đổi mức khoán chi nhiên liệu (xăng ) của CN Cấp nước TP Trà Vinh và các chi nhánh cấp nước huyện, thị như sau:

“ CN Cấp nước TP Trà Vinh: 320 lít/tháng và hao mòn xe khoán cho mỗi nhân viên ghi, thu TPTV: 05 lít/tháng ” **sửa đổi thành mức khoán** “khu vực 01 là 100 lít/tháng; khu vực 02 là 110 lít/tháng; khu vực 03 là 90 lít/tháng”.

“Nhân viên ghi thu trạm cấp nước Châu Thành: 30 lít/tháng” **sửa đổi thành** “Công tác ghi trạm cấp nước Châu Thành: 20 lít/tháng”.

“Nhân viên ghi thu tổ bảo trì Tổ QLVH Cụm Trạm bơm Mỹ Chánh: 20 lít/tháng” **sửa đổi thành** “Công tác ghi tổ bảo trì Tổ QLVH Cụm Trạm bơm Mỹ Chánh: 13 lít/tháng”.

“Nhân viên ghi thu Trạm cấp nước Cầu Ngang + Mỹ Long: 30 lít/tháng” **sửa đổi thành** “Công tác ghi Trạm cấp nước Cầu Ngang + Mỹ Long: 20 lít/tháng”.

“Nhân viên ghi thu Trạm cấp nước Trà Cú :20 lít/tháng” **sửa đổi thành** “Công tác ghi Trạm cấp nước Trà Cú: 13 lít/tháng”.

“Nhân viên ghi thu Trạm cấp nước Duyên Hải: 20 lít/tháng” **sửa đổi thành** “Công tác ghi Trạm cấp nước Duyên Hải: 13 lít/tháng”.

“Nhân viên ghi thu Trạm cấp nước Tiểu Cần-Cầu Quan: 30lít/tháng” **sửa đổi thành** “Công tác ghi Trạm cấp nước Tiểu Cần-Cầu Quan: 20lít/tháng”.

“Nhân viên ghi thu Trạm cấp nước Cầu Kè :20 lít/tháng” **sửa đổi thành** “Công tác ghi Trạm cấp nước Cầu Kè: 13 lít/tháng”.

- Sửa đổi “Hao mòn xe cho ghi thu của chi nhánh huyện định mức được quy đổi tương đương 05 lít xăng/1.000 khách hàng” **sửa đổi thành** “Hao mòn xe các chi nhánh cấp nước huyện, thị định mức được quy đổi tương đương 05 lít xăng/1.000 khách hàng/tháng”.

Thời gian thực hiện từ 05/2023

Ban Tổng giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BTGD, BKS;
- Lưu: VT.KTTV



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Quý



Số *21k*/TTr-CTN

Trà Vinh, ngày *21* tháng 05 năm 2023

## TỜ TRÌNH

Về việc xin ý kiến Hội đồng quản trị thực hiện thanh toán tăng giá mua  
sỉ nước sạch đối với Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Trà Vinh

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 02/2021/HĐ-TMBSNS ngày  
02/04/2021 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Công ty  
TNHH MTV Cấp nước Senco Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 52/CV-SENCO TV ngày 25/12/2023 của Công ty  
TNHH MTV Cấp nước Senco Trà Vinh về việc thông báo áp dụng giá bán sỉ  
nước sạch năm thứ 2- Nhà máy sản xuất nước sạch Nguyệt Hóa;

Căn cứ Công văn số 09/CTN-HĐQT ngày 08/02/2023 của Chủ tịch Hội  
đồng quản trị Công ty CP Cấp Thoát nước Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 04/CV-SENCO TV ngày 11/02/2023 của Công ty  
TNHH MTV Cấp nước Senco Trà Vinh về việc trả lời CV số 09/CTN-HĐQT  
ngày 08/02/2023 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh;

Theo Công văn số 08/CV-SENCO TV ngày 15/03/2023 của Công ty  
TNHH MTV Cấp nước Senco Trà Vinh về việc áp dụng giá bán sỉ nước sạch-dự  
án Nhà máy sản xuất nước sạch Nguyệt Hóa, qua đó đề nghị Công ty CP Cấp  
Thoát nước Trà Vinh áp dụng giá bán sỉ nước sạch năm 2023 và thanh toán tiền mua  
sỉ nước sạch theo đúng hợp đồng mua bán sỉ nước sạch đã ký.

Để thực hiện thanh toán mua sỉ nước sạch đối với Công ty TNHH MTV  
Cấp nước Senco Trà Vinh năm 2023. Ban Tổng giám đốc Công ty trình Hội  
đồng quản trị cho ý kiến việc thanh toán tăng giá mua sỉ nước sạch đối với Công  
ty TNHH MTV Cấp nước Senco Trà Vinh như sau:

Theo Khoản 1, Điều 10 của hợp đồng số 02/2021/HĐ-MBSNS ngày  
02/04/2021 thì đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch thực hiện theo lộ trình  
tăng giá chi tiết theo điểm C, Khoản 1 điều này.

Theo đó, năm đầu tiên giá bán sỉ nước sạch là 4.700đồng/ m<sup>3</sup>. Giá bán  
nước sạch qua đồng hồ tổng đo lưu lượng là 4.801đồng/m<sup>3</sup> nước sạch (đã bao  
gồm thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng, phí cấp quyền khai thác tài  
nguyên).





Từ năm thứ 2 giá bán sỉ nước sạch là 4.817đồng/ m<sup>3</sup>. Giá bán nước sạch qua đồng hồ tổng đo lưu lượng là 4.918đồng/m<sup>3</sup> nước sạch (đã bao gồm thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng, phí cấp quyền khai thác tài nguyên).

Hiện tại, số tiền chưa thanh toán mua sỉ nước sạch đối với Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Trà Vinh từ Kỳ hóa đơn Tháng 01/2023 đến T04/2023: 6.359.888.584đồng, kỳ hóa đơn T05/2023: 1.401.270.740đồng

Vậy tổng số tiền chưa thanh toán cho công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Trà Vinh là 7.761.159.324 đồng.

Để thực hiện thanh toán mua sỉ nước sạch đối với Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Trà Vinh trong năm 2023. Ban Tổng giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BTGD, BKS;
- Lưu: VT.KTTV.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Quý





Số: 211/TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 29 tháng 5 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Về việc xin điều chỉnh cắt giảm kế hoạch SXKD và phát triển năm 2023

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phát triển năm 2023 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh đã được phê duyệt tại Nghị quyết số: 53/NQ-HĐQT ngày 08/12/2022 của Hội đồng quản trị;

Trên cơ sở tình hình thực hiện SXKD 05 tháng đầu năm 2023, nghiên cứu những thuận lợi, khó khăn và điều kiện cho phép về sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển. Hiện tại, tình hình khó khăn về nguồn vốn đầu tư cũng như tình hình thanh khoản đang khó khăn trầm trọng. Vì vậy, Ban Tổng giám đốc Công ty đã xem xét, rà soát lại kế hoạch năm 2023 xin điều chỉnh cắt giảm để đảm bảo khôi phục lại thanh khoản trong năm 2023 (Đính kèm các phụ lục số 1, 2, 3, 4).

Trên đây là những nội dung điều chỉnh cắt giảm Kế hoạch SXKD và phát triển năm 2023, Ban Tổng giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phó TGD;
- BKS (g/s);
- Lưu: VT, KHKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Văn Quý*



**Phụ lục 1: Dàn tư phát triển tuyến ống trong Kế hoạch năm 2023 đề nghị cắt giảm**

STT	Tên công trình	Địa chỉ	Loại ống	Chiều dài (mét)	Số hộ dân phát triển mới	Giá trị xây lắp tạm tính (đồng)	Tình trạng thực tế nơi thực hiện tuyến ống	Thời gian dự kiến thực hiện	Lý do cắt giảm	
I	<b>Chi nhánh TP Trà Vinh</b>									
1	Tuyến ống PE D160 - L = 2.650m	Áp Cỏ Tháp A, Nguyễn Hóa, Châu Thành	PE D160	2.650	56	1,690,000,000	Tăng cường áp lực cho khu vực Ba Sĩ, Ba Se		Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau	
2	Tuyến ống PE D63 - L = 157 mét, PE D90 - L = 732m	Hẻm đá dăm, đường Lê Hồng Phong, phường 8, TPTV.	PE D63	157	21	346,690,000	Hiện trạng chưa có đường ống KH đang gửi đồng hồ khoảng 15 hộ, còn nhiều lô đất chưa xây dựng nhà, dự kiến phát triển được 21 hộ	Quý II	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau	
			PE D90	732						
3	Tuyến ống PE D63 - L = 300m	Đường đá dăm, ấp Phú Hòa, xã Long Đức, TPTV	PE D63	300	15	75,000,000	Hiện trạng chưa có đường ống KH đang gửi đồng hồ khoảng 10 hộ, còn nhiều lô đất chưa xây dựng nhà, dự kiến phát triển được 15 hộ	Quý II	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau	
4	Tuyến ống phần phối PE D63 dọc theo ống chuyển tải từ đài nước đến vòng xoay Đường Vĩa Đình I địa.	Đường Phạm Ngũ Lão ND, P1, TP Trà Vinh	PE D110	795	795	722,400,000	KH khoảng 150 hộ đã vô nước, chủ yếu cấp nước thay ống chuyển tải	Quý III	Do khách hàng vô nước rồi, để làm sau	
			PE D63	795						
5	Tuyến ống PE D63 - L = 600m đường nhựa từ Cầu Huyện Đệ đến đoạn qua khỏi đường vô lò giết mổ	Áp Sa Bình, Long Đức, TP Trà Vinh	PE D63	600	20	150,000,000	Từ trụ điện số 3 để số 13, còn nhiều lô đất trống, dự kiến phát triển khách hàng trên 20 hộ	Quý I	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau	
II	<b>Chi nhánh Châu Thành</b>									
1	Tuyến PE D63 đường đan 1,5m và một đoạn đường đất (Đường nhà thầy Ba Thanh)	Áp Ô Tre Nhỏ, xã Thanh Mỹ, CT	PE D63	500	18	125,000,000	Hiện trạng một đoạn đường đan, một đoạn đường đất, cắt tế 90x63 đi ống mới	Quý III	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau	
				5,850	177	2,166,500,000				





2	Tuyến PE D63 đường đản 2,5 m (Đường Bắc Phên 4)	Áp Ô Tre Lớn, xã Thanh Mỹ, CT	PE D63	1,700	28	425,000,000	Hiện trạng đường đản, cắt tẻ 63 đi ống mới	Quý IV	Do hệ đản ít, cuối ống D63 không đản bảo áp lực
3	Tuyến PE D63 đường đản 2,5m (Đoạn giáp ranh áp Thanh Trì A, xã Đa Lộc)	Áp Ô Tre Lớn, xã Thanh Mỹ, CT	PE D63	450	11	112,500,000	Hiện trạng đường đản, cắt tẻ 63 đi ống mới	Quý II	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
4	Tuyến PE D110 áp Nhà Dưa, xã Thanh Mỹ	Xã Thanh Mỹ, CT	PE D110	3,200	120	1,504,000,000	Hiện trạng đường đản, cắt tẻ 110 đi ống mới, hộ đản đồng	Quý II	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
<b>III Nhà máy nước TX Duyên Hải</b>									
1	Tuyến ống PE D63 đường KCN nuôi tôm quanh NIM nước	Khóm Long Thành, Phường 1, TX Duyên Hải	PE D63	3,000	40	750,000,000	Đường đá dăm quanh khu nuôi tôm công nghiệp, số hộ phát triển khoảng 40 hộ	Quý I	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
2	Tuyến ống PE D63 đường Trần Hưng Đạo ND	Khóm Phước Trì, xã Long Toàn, TXDH	PE D63	240	10	60,000,000	Đường nhựa chưa có đường ống nước	Quý II	Có nước nâng thôn rồi đàn it
3	Tuyến ống PE D110 đường Khu hành chính huyện Duyên Hải đi Bến Phả	Áp Mé Láng, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải	PE D110	550	12	258,500,000	Đường nhựa đang làm, số hộ phát triển trên 10 hộ	Quý II	Do chưa có đường, đàn it
<b>IV Nhà máy nước Trà Cú</b>									
1	Tuyến ống PE D90 - L = 3,900m áp Cầu Hanh và Xóm Chòi	Áp Cầu Hanh, Xóm Chòi, xã Ngãi Xuyên, Trà Cú	PE D90	3,900	134	1,638,000,000	Hiện trạng đường đản 1,5 mét, nối ống PE D90 đi ống mới cấp đường đản	Quý III	Do đang làm đường, chuyển sang các năm sau
2	Tuyến ống PE D63 - L = 700m đường bên hông Bến Xe	Khóm 4, TT Trà Cú	PE D63	700	20	175,000,000	Hiện trạng lộ nhựa, cắt tẻ 110x63 đi ống mới	Quý I	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau



3	Tuyến ống PE D63 - L = 120m đường đan 30/4	Khóm 5, TT Trà Cú	PE D63	120	9	30,000,000	Hiện trạng đường đan, nối ống PE D63 đi ống mới cấp đường đan	Quý II	Do các hộ dân có nước rời
V	<b>Nhà máy nước Cầu Ngang - Mỹ Long</b>			<b>3,450</b>	<b>133</b>	<b>862,500,000</b>			
1	Tuyến ống PE D63 - L = 500m áp Bào Sen	Áp Bào Sen - Xã Mỹ Hòa - Huyện Cầu Ngang	PE D63	500	5	125,000,000	Nối với ống PE D63 đi cấp theo đường đan	Quý I	Cắt giảm do ít hộ dân, hồ tôm nhiều
2	Tuyến ống PE D63 - L = 1.200m áp Bờ Kinh I	Áp Bờ Kinh I - Xã Mỹ Hòa - Huyện Cầu Ngang	PE D63	1.200	50	300,000,000	Đang làm đường đan, nối ống PE D63 đi ống mới, hộ dân đồng	Quý I	Do nước yếu
3	Tuyến ống PE D63 - L = 750m khóm Minh Thuận B	Khóm Minh Thuận B - Thị trấn Cầu Ngang - Huyện Cầu Ngang	PE D63	750	50	187,500,000	Hiện trạng đường đất, cắt tẻ 63 đi ống mới, hộ dân đồng	Quý I	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
4	Tuyến ống PE D63 - L = 800m áp Thuận Hiệp	Áp Thuận Hiệp - Xã Thuận Hòa - Huyện Cầu Ngang	PE D63	800	20	200,000,000	Hiện trạng đường đất, cắt tẻ 114x63 đi ống mới	Quý II	Do nước nông thôn đi ống rời
5	Tuyến ống PE D63 - L = 200m áp Thuận An	Áp Thuận An - Xã Thuận Hòa - Huyện Cầu Ngang	PE D63	200	8	50,000,000	Hiện trạng đường đất, cắt tẻ qua lộ đi ống mới	Quý II	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
VI	<b>NMN Triều Cần - Cầu Quan</b>			<b>8,500</b>	<b>0</b>	<b>3,570,000,000</b>			
1	Tuyến ống PE D90 đường huyên số 5 từ đường vành đai khóm 6 đến Cầu Bà Sét	Khóm 5 + Khóm 6, TT Triều Cần	PE D90	3.200		1,344,000,000	Do mới làm lộ, chưa có hộ dân	Quý III	Do hộ dân rất ít, chuyển sang các năm sau
2	Tuyến ống PE D90 đường trạm bơm từ Quốc lộ 54 cũ đến đường nhựa khóm 5, TT Triều Cần	Khóm 5, TT Triều Cần	PE D90	1.300		546,000,000	Dự kiến năm 2023 làm lộ, chưa có hộ dân	Quý IV	Do hộ dân rất ít, chuyển sang các năm sau





3	Tuyến ống PE D110 đường huyện 13, từ đường tránh Quốc lộ 60 đến ấp Cây Ôi	Ấp Cây Ôi, xã Tập Ngãi, Tiểu Cần	PE D90	4,000	20	1,680,000,000	Dự kiến năm 2023 làm lộ, chưa có hộ dân	Quý IV	Do hộ dân rất ít chuyển sang các năm sau
VII	<b>NMN Cầu Kè</b>			<b>1,000</b>	<b>20</b>	<b>250,000,000</b>			
1	Tuyến ống PE D63 - L = 1.000m đường đản ngang 1m ấp Bà My	Ấp Bà My, xã Hòa Ân, Cầu Kè	PE D63	1,000	20	250,000,000	Hiện trạng đường đản 1 mét, cắt tẻ 63 đi ống mới cấp đường đản	Quý I	Do nước nông thò đi ống rồi
<b>Tổng cộng</b>				<b>33,339</b>	<b>611</b>	<b>12,744,590,000</b>			

**Phụ lục 2: Đầu tư mua sắm trong Kế hoạch năm 2023 đề nghị cắt giảm**

Stt	Tên máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá tạm tính	Giá trị tạm tính (đồng)	Lý do cắt giảm
<b>I</b>	<b>Chi nhánh TP Trà Vinh</b>				<b>600,104,698</b>	
1	Van 1 chiều AVK D250	Cái	1	102,411,498	102,411,498	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
2	Van 1 chiều AVK D300	Cái	1	118,336,576	118,336,576	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
3	Máy in cho Văn phòng chi nhánh	Cái	1	5,500,000	5,500,000	Cắt giảm do còn máy sử dụng
4	Van 1 chiều gang D300 (L = 0,13m, PN = 11)	Cái	1	34,868,624	34,868,624	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
5	Bàn làm việc Ocal (0,7x1,4m) - Văn phòng chi nhánh TPTV	Cái	3	2,000,000	6,000,000	Cắt giảm do bàn còn sử dụng được
6	Máy bơm tiếp áp trực ngang 450 m <sup>3</sup> /h, cột áp 12 mét, 22 kw Đầu bơm: Ebara; Model: 200x150 FS4JA Motor: Teco - Việt Nam.	Cái	1	236,808,000	236,808,000	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
7	Bộ tời điện 2 tấn dùng kéo bơm	Bộ	1	52,000,000	52,000,000	Cắt giảm do còn sử dụng được
8	Máy cắt hơi loại TAIWAN A36S-BF	Cái	2	7,500,000	15,000,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết
9	Máy hàn ống PE D63 - 160	Cái	1	15,400,000	15,400,000	
10	Bộ cắt ống nhựa Makita bằng pin 18v - 1.250w, trọng lượng 4kg	Bộ	1	8,000,000	8,000,000	
11	Máy hàn BTEC MMA - 250A	Cái	1	5,780,000	5,780,000	
<b>II</b>	<b>Chi nhánh Châu Thành</b>				<b>939,398,517</b>	
1	Van hai chiều gang D300 (L = 0,8m, PN = 16)	Cái	1	45,408,056	45,408,056	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
2	Máy chủ SCADA điều khiển từ xa	Bộ	1	25,000,000	25,000,000	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
3	Máy hàn ống PE D63 - 160	Cái	1	15,400,000	15,400,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết
4	Ống đẩy INOX D = 150, tim lỗ 200; L= 03 mét	Ống	5	16,500,000	82,500,000	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
5	Ống đẩy INOX D = 150, tim lỗ 210; L= 03 mét	Ống	5	16,500,000	82,500,000	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
6	Máy châm clor Hydro 0-2kg/h	Bộ	1	25,641,000	25,641,000	Cắt giảm do chuyển 1 bộ từ trạm Châu Thành về Mỹ Chánh
7	Máy bơm chìm 22kw SP 95-5 H=54 mét, Q=100 M <sup>3</sup> /H	Cái	2	264,000,000	528,000,000	Cắt giảm do kho còn 2 cái
8	Cát thạch anh cỡ hạt 0,8-1,2mm	m <sup>3</sup>	5	2,650,000	13,250,000	Cắt giảm do chưa có nhu cầu
9	Sỏi thạch anh cỡ hạt 2,0-4,0mm	m <sup>3</sup>	2	2,900,000	5,800,000	Cắt giảm do chưa có nhu cầu



Tên máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc		DVT	Số lượng	Đơn giá tạm tính	Giá trị tạm tính (đồng)	Lý do cắt giảm
10	Đồng hồ lưu lượng cơ có cổng xung D100 - Baylan	Cái	2	14,520,000	29,040,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết
11	Van bướm mặt bích DN200	Cái	4	18,602,365	74,409,461	Cắt giảm do chưa cấp thiết
12	Bàn làm việc Ocal (0,7x1,4m)	Cái	1	2,000,000	2,000,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết
13	Ghế gỗ	Cái	1	950,000	950,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết
14	Tủ nhôm kiếng đựng hồ sơ (0,6x1,8x2,0)	Cái	1	9,500,000	9,500,000	Cắt giảm do nhận tư từ Cửa hàng mua bán vật tư Trà Cú
III	<b>Chi nhánh Cầu Ngang - DH - Trà Cú</b>				<b>1,657,819,144</b>	
1	Màn hình cảm ứng HMI	Bộ	4	30,000,000	120,000,000	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
2	Bộ chuyển đổi quang điện (WT-8110SA-11-20; A1412100566)	Bộ	2	1,200,000	2,400,000	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
3	Đồng hồ cơ Baylan D150	Cái	2	19,360,000	38,720,000	Cắt giảm do lắp DH điện tử Dự án quan trắc
4	Máy bơm chìm 18,5 KW (Franklin USA) - NIM Duyên Hải	Bộ	2	155,100,000	310,200,000	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
5	Bom chìm 11 Kw (Franklin-USA) - NM Cầu Ngang - ML	Cái	1	125,901,600	125,901,600	Cắt giảm do kho còn 3 cái
6	Bom trục ngang hiệu Matra - Italy; Model: CM65-200A; Q=54-144 m3/h; H=61-41,7m; N=22kw 3 pha 380V/50Hz NMN Cầu Ngang - Mỹ Long	Bộ	1	118,784,400	118,784,400	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
7	Van điện NEUMAX D100 PN10 8 bulong, L=12cm	Cái	3	23,743,104	71,229,312	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
8	Van điện NEUMAX D150 PN10 10 bulong, L=13cm	Cái	3	36,359,400	109,078,200	
9	Van điện NEUMAX D250 PN10 12 bulong, L=16cm	Cái	3	59,915,856	179,747,568	
10	Van điện NEUMAX D300 PN10 12 bulong, L=17cm	Cái	3	76,795,488	230,386,464	Cắt giảm do chưa cấp thiết
11	Ghế gỗ - NMN Cầu Ngang - Mỹ Long	Cái	2	950,000	1,900,000	
12	Bom chìm 11 Kw (Franklin-USA) - NMN Trà Cú	Cái	1	125,901,600	125,901,600	Cắt giảm do kho còn 3 cái
13	Bom ly tâm trục đứng; Hiệu Matra - USA 15kw; Hmax=30m; Q = 90 m3/h - NMN Trà Cú	Cái	1	189,420,000	189,420,000	Dự phòng chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
14	Kệ để tài liệu hoặc vật tư ở NMN Trà Cú	Cái	1	11,200,000	11,200,000	Cắt giảm do nhận kệ từ Cửa hàng mua bán vật tư Trà Cú
15	Ghế gỗ - NMN Trà Cú	Cái	1	950,000	950,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết



	Tên máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá tạm tính	Giá trị tạm tính (đồng)	Lý do cắt giảm
16	Camera an ninh – NMN Trà Cú	Cái	4	5,500,000	22,000,000	Cắt giảm do nhận camera từ CH mua bán vật tư Trà Cú
<b>IV</b>	<b>Chi nhánh Tiểu Cần – Cầu Kè</b>				<b>125,901,600</b>	
1	Bơm chìm 11KW (Franklin-USA)	Cái	1	125,901,600	125,901,600	Cắt giảm do kho còn 3 cái
<b>V</b>	<b>Chi nhánh QL Thoát nước</b>				<b>6,352,740,000</b>	
1	Xe hút bùn thông cống 5,2m <sup>3</sup> , cần xoay hút bùn tự động	Xe	1	5,988,000,000	5,988,000,000	Cắt giảm do đầu thầu rồi, chuyển sang các năm sau
2	Xe tải nhẹ Suzuki Carry Truck, 1.450kg	Xe	1	359,160,000	359,160,000	Cắt giảm do chưa có nhu cầu
3	Máy Honda GX200 6,5HP (cốt xéo) trong bộ tời nạo vét cống	Cái	1	5,580,000	5,580,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết
<b>VI</b>	<b>Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ</b>				<b>365,400,000</b>	
1	Xe cẩu phục vụ thi công loại gầu 0,3m <sup>3</sup>	Xe	1	350,000,000	350,000,000	Cắt giảm do chưa có nhu cầu
2	Máy hàn ống PE D63 - 160 (loại 4 châu)	Cái	1	15,400,000	15,400,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết
<b>VII</b>	<b>Phòng Tổ chức - Hành chính</b>				<b>1,038,000,000</b>	
1	Xe ô tô phục vụ Ban điều hành	Xe	1	1,038,000,000	1,038,000,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết
<b>VIII</b>	<b>Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật</b>				<b>6,000,000</b>	
2	Máy in HP laser 2035	Cái	1	6,000,000	6,000,000	Cắt giảm do chưa cấp thiết
<b>Tổng cộng</b>					<b>11,085,363,959</b>	







**Phụ lục 3: Đầu tư xây dựng trong Kế hoạch năm 2023 đề nghị cắt giảm**

STT	Hạng mục	Công suất, diện tích hoặc số lượng	Giá trị tạm tính (đồng)	Lý do cắt giảm	
<b>I Chi nhánh TP Trà Vinh</b>					
1	Xây dựng Phòng giao dịch khách hàng và Phòng bảo vệ Công ty	Phòng GDKH + Phòng bảo vệ	1 cái	300,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
2	Xây dựng Cửa hàng bán vật tư tại khu văn phòng CN QL Thoát nước	Cửa hàng bán vật tư	1 cái	508,000,000	Cắt giảm, chỉ cải tạo thành Phòng giao dịch khách hàng, giá trị: 42 triệu đồng
<b>II Chi nhánh Châu Thành</b>					
1	Kho chứa hóa chất nhà máy nước mặt	Kho hóa chất 40 m <sup>2</sup>	1 cái	180,000,000	Cắt giảm do chưa hoạt động
<b>III Chi nhánh Cầu Ngang – Duyên Hải - Trà Cú</b>					
1	Xây dựng phòng giao dịch khách hàng + Cửa hàng bán vật tư + hàng rào ở Tràm cũ, K2P1, TX Duyên Hải	Phòng giao dịch khách hàng + CH bán vật tư + hàng rào	Theo thực tế	1,370,000,000	Cắt giảm, chi xây dựng Phòng giao dịch khách hàng và hàng rào, giá trị: 260 triệu đồng
2	Lắp mái che Nhà máy nước Trà Cú	Mái che	85 m <sup>2</sup>	50,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
3	Lát gạch vỉa hè phía trước Nhà máy nước Trà Cú	Lát gạch 40x40	100 m <sup>2</sup>	55,000,000	Cắt giảm do chưa cần thiết
<b>IV Chi nhánh Tiểu Cần – Cầu Kè</b>					
1	Bể chứa số 2 ở Nhà máy nước Tiểu Cần - Cầu Quan	Bể chứa 800 m <sup>3</sup>	1 bể	3,799,400,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
2	Lát gạch vỉa hè phía trước Nhà máy nước Tiểu Cần - CQ	Lát gạch 40x40	277 m <sup>2</sup>	125,000,000	Cắt giảm do chưa cần thiết
3	Xây dựng hàng rào khu đất mới ở Nhà máy nước Tiểu Cần - CQ	Hàng rào	1 cái	120,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
<b>Tổng cộng:</b>				<b>6,507,400,000</b>	



Phụ lục 4: Chi phí sửa chữa trong Kế hoạch năm 2023 đề nghị cắt giảm

STT	Chi nhánh TP. Trà Vinh	ĐVT	Số lượng	Nguyên nhân và công việc sửa chữa	Giá trị tạm tính	Lý do cắt giảm
I	Chi nhánh TP. Trà Vinh				150,000,000	
1	Cải tạo kho với làm kho vật tư Công ty	kho	1	Cải tạo lại để chứa vật tư	150,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
II	Chi nhánh Châu Thành				2,302,968,000	
1	Cải tạo ống công nghệ Trạm Châu Thành	Bộ	1	Cải tạo lại ống công nghệ	1,102,968,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
2	Sơn lại các trạm bơm giếng Mỹ Chánh	Trạm	12	Sử dụng lâu bị bong tróc nên sơn sửa lại	1,200,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
III	Chi nhánh Tiểu Cần - Cầu Kè				570,000,000	
1	Sửa chữa lợp lại mái che, thay xà gồ bê chứa và 2 bể lọc NMN Tiểu Cần - Cầu Quan	Bể	3	Sử dụng trên 6 năm bị rỉ sét, hư hỏng nên thay mái tôn và xà gồ	150,000,000	
2	Sửa chữa cửa rào Trạm bơm cấp 1, giếng số 1 Nhà máy nước Tiểu Cần - CQ	Cái	1	Sử dụng trên 6 năm bị rỉ sét, hư hỏng nên sửa chữa lại	20,000,000	
3	Cải tạo nhà bao che và hàng rào giếng Thuận An - Cầu Quan	m <sup>2</sup>	Thực tế	Sử dụng lâu năm bị hư hỏng nên cải tạo lại	180,000,000	
4	Lắp mái che để xe và vật tư Trạm Cầu Quan	m <sup>2</sup>	Thực tế	Lắp thêm mái che để xe và vật tư	100,000,000	
5	Sửa chữa mái che, thay tôn bê chứa, xà gồ bể lọc NMN Cầu Kè	Bể	2	Sử dụng lâu năm bị hư hỏng nên thay mái tôn và xà gồ	120,000,000	
IV	Chi nhánh Cầu Ngang - DH - TC				1,537,500,000	
IV.1	Nhà máy Cầu Ngang - Mỹ Long				1,425,000,000	







1	Sơn sửa Trạm bơm giếng số 2 – Cầu Ngang	Cái	1	Sử dụng lâu ngày bị bong, tróc sơn nên sơn sửa lại và đóng la phòng mới	200,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
2	Sơn sửa Trạm bơm giếng số 3 – Cầu Ngang	Cái	1	Sử dụng lâu ngày bị bong, tróc sơn nên sơn sửa lại và thay tôn, xà gồ mái che trước trạm	150,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
3	Sửa chữa Trạm bơm giếng số 1 - Cầu Ngang	Cái	1	Thay các cửa nhôm, cửa sắt, cửa kính và các ô khóa	60,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
4	Cải tạo ống PVC D90, nhóm Mỹ Cẩm A, TT Cầu Ngang bằng ống PE D63	m	500m và bồi hoàn 25 hộ	Thay ống PVC D90 bằng PE D63 (đi 2 bên) do làm cống giữa lộ, ống PVC D90 đi ngay tim cống	170,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
5	Cải tạo ống PVC D60, nhóm Minh Thuận A, TT Cầu Ngang bằng ống PE D63	m	600m và bồi hoàn 12 hộ	Thay ống PVC D60 bằng PE D63 (đi 2 bên) do mở rộng lộ	175,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
6	Cải tạo ống PVC D60, TT Mỹ Long (chợ Hải sản đến Biên Phòng) bằng ống PE D63	m	600m và bồi hoàn 74 hộ	Cải tạo lại, thay ống PVC D60 bằng ống PE D63	290,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
7	Cải tạo ống PVC D73, TT Mỹ Long (chợ Hải sản đến Biên Phòng) bằng ống PE D90	m	600m và bồi hoàn 61 hộ	Cải tạo lại, thay ống PVC D73 bằng ống PE D90	380,000,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
IV.2	<b>Nhà máy nước Duyên Hải</b>				<b>112,500,000</b>	
1	Cải tạo ống PE D25 nhóm 1, phường 1, TXDH bằng ống PE D63	m	390m và bồi hoàn 8 hộ	Cải tạo lại, thay ống PE D25 bằng ống PE D63 do không đủ nước	112,500,000	Do chưa cấp thiết, chuyển sang các năm sau
<b>Tổng cộng</b>					<b>4,560,468,000</b>	